



# CÔNG BÁO

*Tỉnh Quảng Trị*

Số 33

Ngày 20 tháng 3 năm 2026

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- |           |  |    |
|-----------|--|----|
| 12-3-2026 | Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.   | 03 |
| 12-3-2026 | Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND quy định việc rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.             | 05 |
| 12-3-2026 | Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. | 10 |

### VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- |           |  |    |
|-----------|--|----|
| 11-3-2026 | Quyết định số 812/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị. | 12 |
|-----------|--|----|

---

11-3-2026	Quyết định số 813/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND cấp xã có biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	18
13-3-2026	Quyết định số 859/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị.	25
17-3-2026	Quyết định số 897/QĐ-UBND về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị.	29
18-3-2026	Quyết định số 912/QĐ-UBND về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành Quy chế giải báo chí để thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới).	36

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2026/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 12 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư  
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 138/TTr-SNNMT ngày 30 tháng 01 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2026.
- Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

b) Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) sửa đổi khoản 1 Điều 13 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2026/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 12 tháng 3 năm 2026

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định việc rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 930/TTr-SNNMT ngày 24 tháng 12 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định việc rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định việc rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (gọi tắt là UBND cấp xã), Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan;
4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất liền kề có nhu cầu xin giao đất, thuê đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt liền kề để hợp thửa; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt**

1. Rà soát, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt

Hàng năm, UBND cấp xã có trách nhiệm rà soát, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt theo đúng tiêu chí quy định tại khoản 1, Điều 47, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP.

Nội dung rà soát các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt bao gồm:

a) Căn cứ vào một trong các loại quy hoạch nêu tại điểm c khoản 1 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 4 Điều 7 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP) để xác định diện tích, loại đất theo hiện trạng, mục đích sử dụng đất dự kiến giao đất, cho thuê đất của các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt;

b) Giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất của các thửa đất liền kề;

c) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng các thửa đất liền kề;

d) Số lượng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý tại thời điểm rà soát đảm bảo điều kiện được giao đất, cho thuê đất.

Trên cơ sở kết quả tự rà soát về các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt; UBND cấp xã lập danh mục, phê duyệt kết quả rà soát để làm căn cứ giao đất, cho thuê đất.

2. Công bố công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt

Sau khi phê duyệt kết quả rà soát, UBND cấp xã công bố, công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt trên địa bàn xã, phường, đặc khu.

a) Nội dung công bố công khai gồm: Số thửa, số tờ bản đồ, diện tích, loại đất theo hiện trạng, mục đích sử dụng đất khi giao đất, cho thuê đất của từng thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt.

b) Hình thức công bố công khai: Phát trên hệ thống truyền thanh của cấp xã và tại thôn, bản, tổ dân phố nơi có đất ít nhất 3 lần, niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã và tại nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố nơi có đất. Thời gian công bố công khai là 15 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết công khai. Việc niêm yết công khai phải được lập bằng biên bản, UBND cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi niêm yết có trách nhiệm xác nhận việc niêm yết và bảo quản việc niêm yết trong thời hạn niêm yết.

Kết thúc công bố công khai, UBND cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản các ý kiến của người dân nơi có đất, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất liền kề về các kiến nghị liên quan đến việc giao đất, cho thuê đất các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt liền kề (nếu có).

### 3. Lấy ý kiến về nhu cầu sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt

a) Sau khi công bố công khai và trả lời các nội dung kiến nghị (nếu có), UBND cấp xã tổ chức họp lấy ý kiến của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất liền kề về nhu cầu sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt dự kiến giao đất, cho thuê đất. Cuộc họp phải có sự tham gia của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất liền kề và đại diện thôn, bản, tổ dân phố.

Trường hợp có tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất liền kề vắng mặt hoặc không tham gia dự họp thì lập Biên bản ghi nhận và UBND cấp xã có trách nhiệm thông báo kết quả cuộc họp bằng văn bản trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

b) Các nội dung yêu cầu phải nêu cụ thể tại buổi lấy ý kiến:

Chủ trương, kế hoạch, đối tượng, hình thức giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt.

Tên tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao đất, cho thuê đất.

Thông tin về thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Các thủ tục cần thực hiện để được giao đất, thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Công khai danh sách các tổ chức, cá nhân sử dụng đất liền kề có nhu cầu giao đất, thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt

Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp lấy ý kiến, UBND cấp xã có văn bản ghi nhận kết quả lấy ý kiến (trong đó có tên tổ chức hoặc cá nhân đủ

điều kiện) và công khai văn bản này tại trụ sở UBND cấp xã, Trang thông tin điện tử cấp xã và tại nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố nơi có đất (thời gian công khai là 15 ngày làm việc).

UBND cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi niêm yết có trách nhiệm xác nhận việc niêm yết và bảo quản việc niêm yết trong thời hạn niêm yết.

Hết thời gian công khai, UBND cấp xã thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt lập và nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất theo quy định.

#### 5. Thực hiện việc giao đất, cho thuê đất

Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức việc giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định.

Trường hợp thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt có từ hai (02) đối tượng trở lên có nhu cầu giao đất, thuê đất mà các đối tượng đều thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã thì UBND cấp xã quyết định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP. Trường hợp thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt có từ hai (02) đối tượng trở lên mà các đối tượng vừa thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh, vừa thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã hoặc đều thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh thì UBND cấp xã báo cáo UBND cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 3 năm 2026.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) quy định việc rà soát, công bố công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

b) Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành quy định cụ thể việc rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp**

Trường hợp UBND cấp có thẩm quyền đã thực hiện các bước trong quy trình rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì nay tiếp tục thực hiện các quy trình còn lại theo Quyết định này để thực hiện việc giao đất, cho thuê đất theo quy định.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2026/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 12 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 931/TTr-SNNMT ngày 24 tháng 12 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan quản lý nhà nước trong việc giải quyết thủ tục chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

**Điều 3. Tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác**

1. Có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất;

2. Có phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định của pháp luật về trồng trọt đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa;

3. Có đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 3 năm 2026.

Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Nam**

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 812/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH****Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực  
đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp  
và Môi trường tỉnh Quảng Trị****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;**Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;**Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;**Căn cứ Quyết định số 421/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 250/TTr-SNNMT ngày 06/3/2026 và đề nghị của Chánh văn phòng UBND tỉnh.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị.**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC, làm cơ sở để cập nhật, điều chỉnh trên Hệ

thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đảm bảo phù hợp với quy trình thực hiện tại địa phương.

Trường hợp các TTHC chưa được triển khai thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thì tiếp tục tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. ***Hoàn thành trước ngày 20/3/2026.***

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định.

4. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai TTHC tại các cơ quan, đơn vị có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Bảo**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ THUỘC**  
**THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**  
*(Kèm theo Quyết định số 812/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính
1	Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II (1.000049.H50)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	Chưa quy định	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025; - Nghị định số 39/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ và Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.	Có

2	Gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II (1.000049.H50)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/ cấp xã	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;</li> <li>- Nghị định số 39/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ và Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.</li> </ul>	Có
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II (1.000049.H50)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	Chưa quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;</li> <li>- Nghị định số 39/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định</li> </ul>	Có

					chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ và Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.	
4	Cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II (1.000049.H50)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	Chưa quy định	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025; - Nghị định số 39/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ và Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.	Có
5	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ (1.011671.H50)	Ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp.	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	- Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025; - Nghị định số 39/2026/NĐ-CP	Có

			<p>- Thông tư số 47/2024/TT-BTC ngày 10/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.</p>	<p>ngày 25/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ và Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ.</p>	
--	--	--	--	---	--

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 813/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND cấp xã có biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 233/TTr-SNNMT ngày 03/3/2026 và đề nghị của Chánh văn phòng UBND tỉnh.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và Chủ tịch UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC, làm cơ sở để cập nhật, điều chỉnh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đảm bảo phù hợp với quy trình thực hiện tại địa phương.

Trường hợp các TTHC chưa được triển khai thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thì tiếp tục tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. ***Hoàn thành trước ngày 20/3/2026.***

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường, đặc khu có biển thực hiện giải quyết TTHC, niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định.

4. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai TTHC tại các cơ quan, đơn vị có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 22/5/2025 và Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu có biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Bảo**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ CÓ BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*(Kèm theo Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

**I. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung**

Số TT	Tên TTHC/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính
<b>A</b>	<b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>					
1	Giao khu vực biển (1.005401.H50)	55 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
2	Công nhận khu vực biển (1.009481.H50)	24 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
3	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (1.004935.H50)	39 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có

4	Trả lại khu vực biển (1.005399.H50)	32 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	Nghị định số 44/2026/NĐ- CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
5	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (1.005400.H50)	37 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	Nghị định số 44/2026/NĐ- CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
6	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển (1.005189.H50)	65 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	22.500.000 đồng/Giấy phép: Áp dụng mức phí theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	Nghị định số 44/2026/NĐ- CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
7	Gia hạn Giấy phép nhận chìm (2.000472.H50)	45 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	17.500.000 đồng/Giấy phép: Áp dụng mức phí theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	Nghị định số 44/2026/NĐ- CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
8	Trả lại Giấy phép nhận chìm (1.000942.H50)	45 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	7.000.000 đồng/Giấy phép Áp dụng mức thu theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	Nghị định số 44/2026/NĐ- CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có

9	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (1.000969.H50)	45 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	12.500.000 đồng/Giấy phép Áp dụng mức thu theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
10	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh (3.000435.H50)	240 ngày và 5 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/ cấp xã	Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính.	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
11	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh (3.000436.H50)	110 ngày và 5 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
12	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh (3.000437.H50)	110 ngày và 5 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh/cấp xã	Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính	Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có

<b>B</b>	<b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>					
1	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000439.H50)	30 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	Nghị định 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
2	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000440.H50)	34 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	Nghị định 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
3	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000441.H50)	32 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	Nghị định 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
4	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000442.H50)	37 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	Nghị định 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có
5	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (3.000443.H50)	24 ngày và 7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	Nghị định 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo	Có

**II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ**

<b>Số TT</b>	<b>Tên TTHC/Mã số TTHC</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
1	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển (2.000444.H50)	Nghị định 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo
2	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh (3.000438.H50)	Nghị định 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi các nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 859/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 13 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
trong lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết  
Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2503/QĐ-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1677/TTr-SXD ngày 12/3/2026 và đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng:

a) Tổ chức xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC, làm cơ sở để cập nhật, điều chỉnh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Xây dựng, đảm bảo phù hợp với quy trình thực hiện tại địa phương.

Trường hợp các TTHC chưa được triển khai thực hiện trên Hệ thống thông tin

giải quyết TTHC tập trung của Bộ Xây dựng thì tiếp tục tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Hoàn thành *trước ngày 18/3/2026*.

b) Thực hiện giải quyết TTHC, niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định.

3. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai TTHC tại các cơ quan, đơn vị có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Phong Phú**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC**  
**ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ**  
*(Kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 13/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

Số TT	Tên/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính
1	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác. Mã số TTHC: 1.000660.H50	- Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. - Thời hạn công bố: + Trường hợp quyết định công bố: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. + Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị/Trung tâm PVHCC cấp xã của tỉnh Quảng Trị.  - Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến	Không có	Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục	Có
2	Công bố lại bến xe khách. Mã số TTHC: 1.000672.H50	- Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. - Thời hạn công bố: + Trường hợp quyết định công bố: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Trị/Trung tâm PVHCC cấp xã	Không có	Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục	Có

Số TT	Tên/Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính
		+ Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra	của tỉnh Quảng Trị. - Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua công dịch vụ công trực tuyến		đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác	

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: 897/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 17 tháng 3 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 3552/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị vào Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình thành Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị tại Tờ trình số 85/TTr-CDYT ngày 09/3/2026.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Xuân Tân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **QUY ĐỊNH**

#### **Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 17/3/2026  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

#### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị là cơ sở Giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức hoạt động theo Điều lệ trường Cao đẳng và các quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

2. Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị có chức năng đào tạo nguồn nhân lực ở các cấp trình độ: cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo thường xuyên theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và quy định của pháp luật; bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ và người lao động; hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp; ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào hoạt động đào tạo và các hoạt động dịch vụ theo quy định.

#### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

##### **1. Nhiệm vụ**

a) Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình đào tạo liên tục và các chương trình cập nhật kiến thức khác theo quy định của Bộ Y tế;

b) Tổ chức biên soạn, xây dựng hoặc lựa chọn, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo, học liệu đối với từng ngành, nghề đào tạo của trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; in phôi, quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức đào tạo thực hành và đào tạo các ngành, nghề đặc thù theo quy định của Chính phủ;

đ) Quản lý người học, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ và các hoạt động giáo dục toàn diện khác cho người học theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

e) Tư vấn đào tạo, tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp, việc làm cho người học và tổ chức hoạt động hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với lao động nông thôn, lao động nữ, người khuyết tật và các chính sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật;

h) Tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của trường bảo đảm đủ về số lượng, phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;

i) Cử hoặc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của trường học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật;

k) Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp; tổ chức cho giảng viên, giáo viên, người dạy nghề thực tập sản xuất tại doanh nghiệp để cập nhật, nâng cao kỹ năng nghề; tư vấn đào tạo, tư vấn việc làm cho người học.

l) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người học, giảng viên, giáo viên, người dạy nghề và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

m) Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về giáo dục nghề nghiệp, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương;

n) Thực hiện dân chủ, công khai theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn giảng dạy, tư vấn nghề

nghiệp, hướng nghiệp cho người học. Có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường;

o) Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính, tài sản của trường theo quy định của pháp luật;

p) Tư vấn đào tạo, tư vấn việc làm miễn phí cho người học.

q) Cung cấp dữ liệu về tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp của trường để xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp;

r) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự giám sát, thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

s) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **2. Quyền hạn**

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chiến lược phát triển trường phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động;

b) Tổ chức đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Liên kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật nhằm khai thác, huy động các nguồn lực xã hội trong thực hiện các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và thị trường lao động. Đơn vị chủ trì liên kết đào tạo chịu trách nhiệm cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học;

d) Liên kết, phối hợp với cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học và đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng lên trình độ đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành;

đ) Phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong hoạt động xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, tài liệu, học liệu giảng dạy; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, đánh giá kết quả học tập của người học; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo;

e) Quyết định thành lập tổ chức trực thuộc trường theo cơ cấu tổ chức được phê

duyệt trong quy chế tổ chức, hoạt động của trường; bổ nhiệm, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức quản lý theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập, pháp luật viên chức và phân cấp quản lý viên chức.

g) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn chức danh nghề nghiệp của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo;

h) Tổ chức hoạt động phát triển, đánh giá kỹ năng nghề theo quy định của Chính phủ;

i) Tổ chức hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Chính phủ;

k) Thành lập doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ khi đủ điều kiện; ứng dụng kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào hoạt động đào tạo, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định;

l) Sử dụng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ và dịch vụ để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của trường, chi cho các hoạt động đào tạo, bổ sung nguồn tài chính của trường và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;

m) Xây dựng và phát triển hệ thống văn bằng số, chứng chỉ số, học liệu số. Cung cấp, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp; quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định;

n) Thực hiện các hoạt động hợp tác, đầu tư với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ;

o) Huy động, nhận tài trợ, quản lý và sử dụng nguồn huy động, tài trợ theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện các hoạt động của trường;

p) Quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý và sử dụng nguồn tài chính theo quy định của pháp luật;

q) Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, giao hoặc cho thuê cơ sở vật chất; được tham gia đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với các dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật; được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng theo quy định của pháp luật;

r) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

1. Lãnh đạo trường có Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng. Số lượng Phó hiệu trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

a) Hiệu trưởng là người đứng đầu đơn vị, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về các hoạt động của Trường;

b) Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng phụ trách các lĩnh vực, công việc cụ thể được phân công; chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Hiệu trưởng vắng mặt, Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền thay Hiệu trưởng điều hành các hoạt động của Trường;

c) Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được thực hiện theo phân cấp quản lý tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị và quy định của pháp luật.

d) Căn cứ vào chức danh, tiêu chuẩn ngạch, quy định của pháp luật và quy định về phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với người lao động của các phòng, khoa trực thuộc Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị.

2. Hội đồng khoa học và đào tạo.

3. Các phòng chức năng: 03 phòng

- Phòng Tổ chức - Hành chính;

- Phòng Đào tạo - Hợp tác quốc tế;

- Phòng Kiểm định - Công tác sinh viên;

4. Các khoa: gồm 03 khoa

- Khoa Y;

- Khoa Điều dưỡng;

- Khoa Dược - Cơ bản;

5. Cơ sở thực hành: Phòng khám đa khoa thực hành.

6. Các hội đồng tư vấn: Thành lập theo quy định của pháp luật

7. Số lượng người làm việc

Số lượng người làm việc của Trường được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với

chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của Trường và được cấp có thẩm quyền giao hàng năm. Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức, người lao động của Trường thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp, phân công quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện.**

Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị để ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng, khoa, tổ chức trực thuộc theo nguyên tắc bao quát đầy đủ các lĩnh vực công tác, phù hợp với tính chất, đặc điểm và khối lượng công việc thực tế của đơn vị.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế, Trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 912/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 18 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành Quy chế giải báo chí để thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 28/3/2023 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định nội dung, mức chi giải thưởng giải báo chí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới).*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 401/SVHTTDL-QLBCXB ngày 28/01/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Áp dụng Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 về Ban hành Quy chế Giải Báo chí tỉnh Quảng Trị (cũ) để thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới).

Quyết định này không còn được áp dụng trong trường hợp có văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh thay thế hoặc bãi bỏ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Xuân Tân**

---

VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG TRỊ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 06 Hùng Vương - Đồng Hới - Quảng Trị;

Điện thoại: 0233. 6296565;

Email: [congbao@quangtri.gov.vn](mailto:congbao@quangtri.gov.vn);

Website: <https://congbao.quangtri.gov.vn>;